

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 07-8-2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn, chia
tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo

Bà Đỗ Thị Nhung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại Hội trường 5 - trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 234/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 174/2025/TB-TA ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: C, Khu phố A, phường T (phường T, thành phố B cũ), tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Thế A, sinh năm 1973.

Địa chỉ: tổ E, khu phố H, phường P (khu phố H, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước cũ), tỉnh Đồng Nai

(Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2025).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: C, Khu phố A, phường T (phường T, thành phố B cũ), tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Văn D – Luật sư

thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Công ty L1, lầu 1, A N, phường H (phường H, thành phố T cũ),
Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H, ông A, ông L, ông D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2021, các lời khai tại hồ sơ, và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Quốc L kết hôn vào ngày 21/08/2001 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà xác định nay bà không còn tình cảm với ông L. Nay xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin được ly hôn để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung:

1/ Nguyễn Long Q, sinh ngày 29/6/2002.

2/ Nguyễn Long V, sinh ngày 23/7/2006.

Cháu Q đã đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu giải quyết.

Bà xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V. Bà đồng ý ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng chẵn).

Tài sản chung: Vào ngày 27/03/2005 vợ chồng bà mua khu đất số C, khu G, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tổng diện tích 110m² là miếng đất thuộc lô B4 dành đặc biệt cấp cho sĩ quan cấp cao. Cũng tại thời điểm này chồng bà, ông Nguyễn Quốc L là Trung úy (sĩ quan chuyên nghiệp) do có vợ con nên được xét bổ sung mới, được cấp lô A-Khu GĐCB-QĐ4 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tổng diện tích 110m² là miếng đất thuộc lô A9 cấp cho sĩ quan chuyên nghiệp nhưng phải đóng tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), là phí san lấp mặt bằng mà bất kì sĩ quan nào khi đó được cấp đất đều phải đóng và tự tay bà đưa tiền cho ông L đóng. Và lô đất này (A- Khu GĐCB-QĐ4) đã được vợ chồng bà bán với trị giá 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) cho anh cùng đơn vị với chồng bà (bà không nhớ tên) là chủ lô đất số 38B4, khu G thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Anh này đã bán cho vợ chồng bà lô 38B4. Cán trừ qua lại, vợ chồng bà phải trả cho anh ấy số tiền 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng). Vợ chồng bà và anh ấy tự thỏa thuận có viết giấy tay mua bán trao đổi với nhau. Để sau này thuận tiện làm giấy tờ chủ quyền đất vợ chồng bà đã thỏa thuận để cho ông L đứng tên. Sau đó vợ chồng xây một ngôi nhà cấp 4 vào năm 2008, giá xây dựng 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng). Nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tất cả giấy tờ liên quan đến khu đất số C - khu GĐCB-QĐ4 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là do chồng bà, ông Nguyễn Quốc L nắm

giữ.

Hiện nay khu đất vợ chồng bà đang sử dụng không thuộc quyền quản lý của quân đoàn 4 nữa mà đã giao lại cho ủy ban quản lý, Ủy ban phường T đã thông báo và hướng dẫn cho người dân làm thủ tục đăng ký kê khai và nộp thuế phi nông nghiệp. Đề nghị Tòa án xác minh nội dung trên để xem xét chia tài sản chung cho vợ chồng bà.

Đề nghị TAND thành phố Biên Hòa xem xét, chia cho bà được hưởng 50% giá trị quyền sử dụng đất thửa đất Lô đất số 38B4-Khu GĐCB-QĐ4, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có diện tích 110m². Tạm tính theo giá thị trường hiện tại của thửa đất là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Bà xin nhận giá trị bằng hiện vật để sinh sống, nuôi con và thanh toán lại tiền cho ông Nguyễn Quốc L số tiền 250.000.000 đồng tương ứng với 50% giá trị ông L được nhận.

Về nợ chung: Không có.

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, lời trình bày tại phiên tòa - bị đơn ông Nguyễn Quốc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H kết hôn vào ngày 21/08/2001 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông bắt quả tang vợ theo trai, ôm hết giấy tờ tài sản. Ông xác định nay ông không còn tình cảm với bà H nữa. Nay bà H xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung:

1/ Nguyễn Long Q, sinh ngày 29/6/2002.

2/ Nguyễn Long V sinh ngày 23/7/2006.

Cháu Q đã đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu V, ông đồng ý theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu muốn sống với mẹ thì ông đồng ý để bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng)

Tài sản chung: Ngày 12/10/2021, ông yêu cầu chia 01 (một) căn nhà cấp 4 xây vào năm 2007, trị giá 130.000.000đ; đã xuống cấp, xây trên thửa đất Quân đội cấp riêng cho ông; 01 (một) xe máy SH trị giá 60.000.000đ; 01 (một) bộ bàn ghế trị giá 50.000.000đ; 02 (hai) tủ gỗ trị giá 50.000.000đ. Tổng số tiền đề nghị chia đôi cho hai vợ chồng là 290.000.000đ.

Ngày 30/11/2021, ông yêu cầu chia 01 (một) căn nhà cấp 4 xây vào năm 2007, trị giá 80.000.000đ; đã xuống cấp, xây trên thửa đất Quân đội cấp riêng cho ông; 01 (một) xe máy SH trị giá 50.000.000đ; 01 (một) bộ bàn ghế trị giá 15.000.000đ; 02 (hai) tủ gỗ trị giá 10.000.000đ; 01 (một) tủ lạnh trị giá 5.000.000đ. Tổng số tiền đề nghị chia đôi cho hai vợ chồng là 160.000.000đ.

Nay ông đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Ông không yêu cầu chia 01 (một) bộ bàn ghế trị giá 50.000.000đ; 02 (hai) tủ gỗ trị giá 50.000.000đ.

Đề nghị Tòa giải quyết chia đôi giá trị căn nhà cấp 4 theo giá trị thẩm định giá (căn nhà xây dựng trên thửa đất C phường T là đất quân đội cấp riêng cho ông); chia đôi giá trị 01 xe SH bà H đã bán 50.000.000đ. Ông xin được nhận căn nhà và đồng ý thanh toán lại cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà theo giá trị thẩm định. Bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe SH bà H đã bán.

Ngoài căn nhà trên vợ chồng ông còn có tài sản chung là diện tích đất tại lô đất D (vợ ông có góp một ít còn lại là tiền của ông), mua để giành cho con Nguyễn Long Q khi cháu đủ 18 tuổi. Nay ông giao lại diện tích đất (40/B4) cho con trai Nguyễn Long Q, ông không yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung đối với diện tích đất này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, ông sẽ yêu cầu Tòa giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 234/2024/HNGĐ-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 143/2024/QĐ-SCBSQĐ ngày 08/10/2024 đã căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 33, 38, 43, 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Quốc L thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung:

1/ Nguyễn Long Q, sinh ngày 29/6/2002.

2/ Nguyễn Long V sinh ngày 23/7/2006.

Nguyễn Long Q, sinh ngày 29/6/2002 đã đủ 18 tuổi, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Giao cháu Nguyễn Long V sinh ngày 23/07/2006 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Quốc L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Quốc L không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Lê Thị H đối với Lô đất số C-Khu G, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc L đối với yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 tại C-Khu G, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Giao cho bà Lê Thị H được sở hữu căn nhà xây dựng trên Lô đất số C-Khu GĐCB-QĐ4, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Nguyễn Quốc L số tiền bằng $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 182.715.000đ (một trăm tám mươi hai triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

Tạm giao cho bà Lê Thị H quản lý sử dụng diện tích đất 110m² Lô đất số 38B4-Khu GĐCB-QĐ4, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc L về việc yêu cầu chia tài sản chung là 01 (một) bộ bàn ghế trị giá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); 02 (hai) tủ gỗ trị giá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0001571 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

+ Ông Nguyễn Quốc L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Bà Lê Thị H phải chịu 9.135.750đ (chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí về việc chia tài sản. Được căn trừ vào số tiền 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng bà Lê Thị H đã nộp tại biên lai thu số 0001953 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Lê Thị H phải nộp thêm số tiền án phí còn thiếu là 2.885.750đ (hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

+ Ông Nguyễn Quốc L phải chịu 9.135.750 đồng (chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí về việc chia tài sản. Được căn trừ vào số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng ông L đã nộp theo biên lai thu số 0000562 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông Nguyễn Quốc L phải nộp số tiền án phí còn thiếu là 7.135.750đ (Bảy triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Quốc L có đơn kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án, đề nghị giao nhà và đất tại địa chỉ C, khu phố A, phường T, thành phố B cho ông được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt, ông sẽ thanh toán lại 50% giá trị tài sản trên đất cho bà H theo định giá của Tòa án.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Nguồn gốc lô đất 38/B4 đây là tài sản riêng của ông L do Quân đoàn 4 cấp. Việc bà H cho rằng có việc hoán đổi là không có cơ sở. Căn nhà xây dựng trên đất là tài sản chung của ông L bà H cả 2 đều thừa nhận việc này. Theo Quyết định của Quân đoàn D1 cấp đất cho ông L và tạm giao cho ông là có sự

đóng góp của ông L trong quá trình tham gia quân đội. Cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản riêng của ông L nhưng lại tạm giao cho bà H quản lý sử dụng là không phù hợp nên dẫn đến việc quản lý đất là không thực hiện được, không có cơ sở thi hành. Đây là tài sản riêng của ông L đề nghị giao đất cho ông L, nhà chia $\frac{1}{2}$ giá trị, ông L sẽ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho bà H, đồng ý để bà H lưu cư trong thời gian 06 tháng đến 01 năm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc L, sửa bản án sơ thẩm số 234/2024/HNGĐ-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo hướng: Tạm giao thửa đất thuộc lô số 38B4 khu GĐQĐ-QĐ4, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) và giao căn nhà trên đất cho ông Nguyễn Quốc L quản lý, sử dụng. Ông L có nghĩa vụ thanh toán số tiền 182.715.000đ cho bà H. Ông L được quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất trên khi nhà nước có chủ trương cho kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L về việc cho bà H được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng để bà H có thời gian tìm nơi ở mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ông Nguyễn Quốc L làm trong hạn luật định và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo:

Ngày 12/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Quốc L có đơn kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án, đề nghị giao nhà và đất tại địa chỉ C, khu phố A, phường T, thành phố B cho ông được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt, ông sẽ thanh toán lại 50% giá trị tài sản trên đất cho bà H theo giá trị định giá của Tòa án.

- Xét về nguồn gốc lô đất số 38B4-Khu GĐCB-QĐ4, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

Theo Quyết định số 3514/QĐ ngày 27/3/2005 của Tư lệnh Quân đoàn D1 thì khu đất số 38 lô B4 khu GĐCB-QĐ4 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai diện tích 110m² tạm giao cho ông Nguyễn Quốc L, cấp bậc trung sỹ được quyền sử dụng và quản lý khu đất (BL 56).

Tại phiếu yêu cầu xác minh ngày 08/12/2022 Trợ lý cán bộ, chính sách

Lữ đoàn 22 cung cấp thông tin đất này cấp cho cá nhân cán bộ quân đội là ông Nguyễn Quốc L (BL 158).

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/4/2025, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày Lô đất số C-Khu GĐCB-QĐ4 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là Quân đoàn 4 cấp đất cho khu gia đình quân đội Quân đoàn 4 do ông Nguyễn Quốc L là quân nhân chuyên nghiệp đã có gia đình để ổn định cuộc sống và hiện nay Lô đất số C-Khu GĐCB-QĐ4 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai Quân đoàn 4 đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân thành phố B quản lý. Còn ông Nguyễn Quốc L thì cho rằng Quân đoàn 4 thời điểm cấp đất là cấp đồng loạt cho tất cả quân nhân, không phải chỉ cấp cho những người đã có gia đình như lời trình bày của bà H.

Để có cơ sở giải quyết vụ án Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm rõ một số thông tin các đương sự khai tại phiên tòa, kết quả Quân đoàn D1 và Ủy ban nhân dân thành phố B cung cấp thông tin đối việc cấp đất mà các bên đương sự tranh chấp, cụ thể:

+ Tại Văn bản số 3081/QĐ-CCT ngày 03/6/2025 của Quân đoàn D1 cung cấp thông tin:

“Về đối tượng xét cấp đất: Là SQ, QNCN, CNVQP đang công tác tại D1 (kể cả số đang đi học ngắn hạn tại các học viện N).

Về tiêu chuẩn xét cấp đất: Đối tượng được xét cấp đất phải có phẩm chất đạo đức tốt, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nằm trong quy hoạch sử dụng lâu dài, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, có nguyện vọng xin đất làm nhà ở để ổn định cuộc sống, có thời gian nhập ngũ hoặc tuyển dụng vào quân đội từ năm 1995 trở về trước. Riêng số nhập ngũ tuyển dụng năm 1996 trở lại đây, chỉ xem xét lựa chọn những trường hợp đặc biệt, có hoàn cảnh gia đình thực sự khó khăn, có nhu cầu cấp thiết về chỗ ở được các đơn vị, cơ quan đề nghị, Thường vụ Đảng ủy Quân đoàn sẽ xem xét lựa chọn cụ thể từng trường hợp, ưu tiên đối tượng là cán bộ sĩ quan.

Như vậy, Quân đoàn 4 xét cấp đất cho toàn thể SQ, QNCN theo tiêu chuẩn nêu trên; không có chủ trương cấp đất riêng cho SQ, QNCN đã có vợ con”, nên có căn cứ xác định đây là đất được cấp riêng cho ông L.

Hiện nay, khu đất gia đình quân nhân thuộc Hóc Bà T, phường T, thành phố B (Nay là phường T), tỉnh Đồng Nai đã được bàn giao cho địa phương quản lý theo Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh Đ.

+ Tại Văn bản số 9787/UBND-TCD ngày 16/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố B cung cấp thông tin “...khu đất này chưa được kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đang gặp khó khăn vướng mắc trong công tác kê khai đăng ký...”.

Do vậy cấp sơ thẩm tạm giao nhà đất cho bà H quản lý là không phù hợp, cần sửa án sơ thẩm theo hướng tạm giao đất cho ông L quản lý sử dụng. Khi Nhà nước có chủ trương đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất ông L được quyền thực hiện quyền của mình đối với thửa đất theo quy định. Ông L được quyền sở hữu căn nhà số C đang tọa lạc trên đất và ông L có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho bà H là 182.715.000đ.

- Đối với tài sản chung là chiếc xe SH mà ông L có yêu cầu phân chia giá trị chiếc xe trị giá 50.000.000đ mà cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết không chấp nhận đối với yêu cầu mà không tuyên trong quyết định là thiếu sót.

[3] Về chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm không có nhận định, quyết định về chi phí tố tụng mà các đương sự đã nộp cụ thể ông L đã nộp 18.800.000đ (BL 120) và bà H đã nộp 700.000đ (BL 299) là thiếu sót. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông L và bà H đồng ý mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ tổng số tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, thẩm định giá tổng 19.500.000đ. Nên ông L và bà H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ là 9.750.000đ. Bà H phải thanh toán cho ông L là 9.050.000đ (do bà H đã nộp 700.000đ).

Tại phiên tòa phúc thẩm ông L đồng ý dành thời gian lưu cư cho bà H là 06 tháng từ ngày 07/8/2025, nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm và kháng cáo của ông Nguyễn Quốc L được chấp nhận nên ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc L, sửa bản án sơ thẩm số 234/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai) về tài sản chung và chi phí tố tụng.

Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các Điều 33, 38, 43, 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Quốc L thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung:

- Cháu Nguyễn Long Q, sinh ngày 29/6/2002.

- Cháu Nguyễn Long V sinh ngày 23/7/2006.

Cháu Nguyễn Long Q, sinh ngày 29/6/2002 đã đủ 18 tuổi, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Giao cháu Nguyễn Long V sinh ngày 23/07/2006 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Quốc L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Quốc L không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung:

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Lê Thị H đối với Lô đất số C-Khu G, thuộc phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quốc L đối với yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 tại C-Khu G, thuộc phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

Giao cho ông Nguyễn Quốc L được sở hữu căn nhà xây dựng trên Lô đất số C-Khu GĐCB-QĐ4, thuộc phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai. Ông Nguyễn Quốc L có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Lê Thị H số tiền bằng $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 182.715.000đ (một trăm tám mươi hai triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

Tạm giao cho ông Nguyễn Quốc L quản lý, sử dụng diện tích đất 110m² Lô đất số 38B4-Khu GĐCB-QĐ4, thuộc phường T, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai. Khi Nhà nước có chủ trương đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông L được thực hiện quyền của mình theo quy định.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quốc L về việc yêu cầu chia tài sản là 01 chiếc xe SH trị giá 50.000.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quốc L về việc yêu cầu chia tài sản chung là 01 (một) bộ bàn ghế trị giá 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); 02 (hai) tủ gỗ trị giá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về Chi phí tố tụng:

- Ông Nguyễn Quốc L phải chịu số tiền 9.750.000đ chi phí tố tụng (Ông L đã nộp xong)

- Bà Lê Thị H phải chịu số tiền 9.750.000đ chi phí tố tụng, bà H đã nộp số tiền tạm ứng 700.000đ, bà H phải thanh toán lại cho ông L số tiền 9.050.000đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc L dành thời gian lưu cư cho bà H là 06 tháng kể từ ngày 07/8/2025.

[6] Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0001571 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - Đồng Nai).

Bà Lê Thị H phải chịu 9.135.750đ (chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí về việc chia tài sản. Được căn trừ vào số tiền 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng bà Lê Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0001953 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - Đồng Nai). Bà Lê Thị H phải nộp thêm số tiền án phí còn thiếu là 2.885.750đ (hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Ông Nguyễn Quốc L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Quốc L phải chịu 9.135.750 đồng (chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí về việc chia tài sản. Được căn trừ vào số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng ông L đã nộp theo biên lai thu số 0000562 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - Đồng Nai).

Ông Nguyễn Quốc L phải nộp số tiền án phí còn thiếu là 7.135.750đ (Bảy triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc L không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 0004720 ngày 15/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 - Đồng Nai).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai (1);
- TAND KV1-Đồng Nai (2);
- Phòng THADS KV1-Đồng Nai (1);
- Dương sự (2);
- Lưu (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Đào